

Bản án số: 58/2023/HSST

Ngày: 14 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒ, TỈNH KG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Thái B, sinh năm 1993 tại tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú: Tổ 8 ấp Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện HỒ, tỉnh KG; nơi cư trú: Tổ 21 ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện HỒ, tỉnh KG; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quốc Việt và bà Phạm Thị Tuyết Lan (đã chết); bị cáo có vợ tên Trần Tâm A và 01 đứa con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2023 cho đến ngày 28/7/2023 được gia đình B lĩnh chờ xử lý cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn M sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 7 ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện HỒ, tỉnh KG; vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M. sinh năm 1977; địa chỉ: tổ 7 ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Bùi Tuấn V sinh năm 1990; địa chỉ: tổ 8, ấp Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; có mặt tại phiên tòa.

3. Chị Trần Tâm A sinh năm 1993; địa chỉ: tổ 21, ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện HD, tỉnh KG; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo

Bùi Thái B là người thường đi qua các Casino Camphuchia tham gia đánh bạc ăn tiền. Vào khoảng 18 giờ ngày 26/5/2023 B điều khiển xe mô tô biển số 68D1 – 129.05 (xe của anh ruột B là Bùi Tuấn V đứng tên) chạy đến tiệm vàng Ngọc M do ông Nguyễn Văn M đứng tên chủ tiệm vàng. B cầm chiếc nhẫn có hạt đá đi vào tiệm gặp ông M, nhờ ông M gia công gắn lại hạt đá. Ông M cầm chiếc nhẫn ngò vào bàn gia công để sửa, lúc này B để ý thấy ông M chăm chú sửa nhẫn (nhà không có ai). B liền nảy sinh ý định trộm cắp vàng trong tủ trưng bày bán vàng của ông M, mục đích để đem qua Casino bán lấy tiền đá gà ăn tiền. B liền chồm người qua dùng tay mở khóa cửa tủ lấy một chiếc lắc đeo tay kiểu lắc đẹp, trọng lượng 10 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999) bỏ vào túi quần cất giấu. Lúc này, B nhìn thấy ông M vẫn chăm chú gắn lại hạt đá, B đi đến tủ trưng bày vàng kế bên lấy trộm một chiếc nhẫn vàng (mặt nhẫn hình vuông) trọng lượng 37,4954gam bỏ vào túi quần cất giấu. B định tiếp tục trộm cắp vàng của ông M, lúc này ông M quay mặt lên nhìn B, sợ bị phát hiện B nên không trộm cắp vàng ông M nữa, ông M cầm chiếc nhẫn của B đưa cho B và nói hôm nay sửa không được, M. mang đến sửa. B chạy xe về nhà cất giấu số vàng vừa trộm cắp được trên đầu tủ trong phòng ngủ của B. Ngày hôm sau, vào khoảng 9 giờ ngày 27/5/2023 B tiếp tục mang chiếc nhẫn có gắn hạt đá đến tiệm vàng ông M sửa hết 70.000 đồng tiền công.

Vào chiều ngày 27/5/2023 có một người phụ nữ lạ đến tiệm Ngọc M mua vàng, bà Nguyễn Thị M. (vợ ông M) phát hiện mất tổng cộng 05 lượng vàng, (Trong đó 02 lượng vàng B đã trộm cắp, 2 chiếc nhẫn vuông mỗi chiếc 05 chỉ, 02 chiếc nhẫn tròn mỗi chiếc 05 chỉ, 02 chiếc nhẫn tròn mỗi chiếc 03 chỉ, 02 chiếc nhẫn tròn mỗi chiếc 02 chỉ). Sau khi phát hiện mất tài sản ông M, bà M. xem lại hình ảnh camera đã nhận ra được B là người trộm cắp số vàng trên.

Qua trình điều tra B thừa nhận hành vi phạm của mình như sau: Sau khi trộm cắp được 02 lượng vàng 24 kara của vợ chồng ông M, bà M. thì vào khoảng 10 giờ ngày 28/5/2023 B điều khiển xe mô tô biển số 68D1-129.05 chạy qua Casino Camphuchia chơi đá gà ăn tiền. Khi bị thua hết tiền B bán chiếc lắc vàng

trộm được của ông M giá 53.500.000 đồng, lấy tiền tiếp tục chơi đá gà ăn tiền bị thua hết 34.000.000 đồng B nghỉ chơi chạy xe về, trên đường về B lấy ra 500.000 đồng ăn uống và đổ xăng, còn lại 19.000.000 đồng B mang về nhà cất giấu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của B đã phát hiện thu giữ 01 chiếc nhẫn hình vuông, trọng lượng 01 lượng vàng 24 kara, B tự giao nộp 19.000.000 đồng tiền bán chiếc lắc còn lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất. Quá trình điều tra B không thừa nhận trộm cắp 03 lượng vàng còn lại theo lời khai của bà M. (vợ ông M).

Về vấn đề khác:

Vật chứng trong vụ án thu giữ: 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara, mặt nhẫn hình vuông, khối lượng 37,4954 gam, 19.000.000 đồng đã nộp tại kho bạc Nhà nước chờ xử lý và 01 xe mô tô biển số: 68D1-129.05.

Tại bản kết luận giám định số 3744/KL-KTHS ngày 29/6/2023 của phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí M kết luận: Mẫu được niêm phong gửi giám định, khối lượng 37,4954 gam, có thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng 99,5%.

Tại bản kết luận định giá số 25/KL-HĐĐGTS ngày 25/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hòn Đất kết luận: 01 chiếc lắc bằng vàng 24 kara trọng lượng 01 lượng, dạng lắc đẹp, hàm lượng 99,8%, kiểu dây nhiều mắt xích nối với nhau, có giá trị 55.500.000 đồng; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24kara, trọng lượng 01 lượng, mặt nhẫn hình khối vuông, hàm lượng vàng 99,9% có giá trị 55.600.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 111.100.000 đồng.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản đối với B để điều tra.

Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 66/CT-VKS-HĐ ngày 03/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị can Bùi Thái B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo B đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng:

Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của BLHS tuyên bố bị cáo Bùi Thái B phạm tội trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo B từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị M. yêu cầu bị cáo B bồi thường giá trị tài sản bị mất là 192.000.000 đồng, bị cáo cùng gia đình đã khắc phục xong hậu quả. Ông M, bà M. không yêu cầu gì khác nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trả lại 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara, mặt nhẫn hình vuông, khối lượng 37,4954 gam cho ông Nguyễn Văn M là chủ sở hữu quản lý sử dụng.

Số tiền 19.000.000 đồng đã nộp tại kho bạc Nhà nước đề nghị hoàn trả cho bị cáo B và trả lại cho chủ sở hữu là anh Bùi Tuấn V 01 xe mô tô biển số 68D1-129.05.

Tại phiên tòa: Bị cáo B khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ thời gian chấp hành hình phạt để bị cáo có điều kiện phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy Cơ quan điều tra Công an huyện Hòn Đất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại là ông Nguyễn Văn M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M. có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông M, bà M. không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng

mặt ông, bà là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS).

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Khoảng 18 giờ ngày 26/5/2023, tại tổ 7, ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện HD, tỉnh KG, Bùi Thái B đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 20 chỉ vàng 24 kara của vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị M.. Tổng trị giá tài sản là 111.100.000 đồng, mục đích trộm cắp tài sản để đem bán lấy tiền tiêu xài, sau khi trích xuất Camera ông M, bà M. phát hiện ra B nên báo Công an bắt giữ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tại bản kết luận giám định số 3744/KL-KTHS ngày 29/6/2023 của phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí M kết luận: Mẫu được niêm phong gửi giám định, khối lượng 37,4954 gam, có thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng 99,5%.

Tại bản kết luận định giá số 25/KL-HĐĐGTS ngày 25/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hòn Đất kết luận tổng trị giá tài sản 111.100.000 đồng.

Căn cứ quy định khoản 1 Điều 12 của BLHS thì bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Đối chiếu hành vi của bị cáo với các quy định của pháp luật đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại, người bị hại cũng yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS nên HĐXX chấp nhận lời đề nghị của đại diện VKS quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của BLHS.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị M. đã nhận đủ số tiền yêu cầu bồi thường giá trị tài sản bị mất là 192.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Quá trình điều tra chỉ đủ căn cứ xác định bị cáo đã trộm cắp của ông M, bà M. tổng cộng 02 lượng vàng 24 kara. Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho ông M, bà M. số tiền tổng cộng 192.000.000 đồng là cao hơn giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo và vợ bị cáo là chị Trần Tâm A không yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông M, bà M. phải trả lại số tiền đã bồi thường vượt quá phần thiệt hại nên HĐXX không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS 2015 thì: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn M 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara, mặt nhẫn hình vuông, khối lượng 37,4954 gam.

Trả cho bị cáo số tiền là 19.000.000 đồng đã nộp vào tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Hòn Đất.

Trả cho chủ sở hữu là anh Bùi Tuấn V 01 chiếc xe mô tô biển số: 68D1-129.05.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 38; Điều 48; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thái B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Thái B 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành hình phạt nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2023 đến ngày 28/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn M 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24 kara, mặt nhẫn hình vuông, khối lượng 37,4954 gam theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 92/QĐ-CSĐT ngày 28/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HD, tỉnh KG.

Trả lại cho bị cáo B số tiền là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 03/10/2023, nộp vào tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Hòn Đất, số tài khoản 39410101959300000 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam.

Trả lại cho chủ sở hữu là anh Bùi Tuấn V 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 68D1-129.05 đã được chuyển giao cho Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất theo Quyết định chuyển vật chứng số 28/QĐ-VKSHĐ ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất.

3. Về án phí: Bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú